

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: **Nhập môn ngành Thú y (Veterinary Professional Studies)**

- Mã số học phần: NS141

- Số tín chỉ học phần: 2 tín chỉ

- Số tiết học phần: 30 tiết lý thuyết.

2. Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Thú y, Khoa Nông nghiệp

3. Điều kiện tiên quyết:

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Điều kiện song hành: Cơ thể học gia súc (NN102) và Sinh lý gia súc (NN174)

4. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu	Nội dung mục tiêu	CDR CTĐT
4.1	Mô tả kiến thức lịch sử ngành Thú y Thế giới và Việt Nam. Cơ cấu tổ chức của ngành Thú y, Nhân sự của Khoa Thú y, chương trình đào tạo và định hướng nghề nghiệp của Bác sĩ Thú y trong tương lai.	2.1.2a
4.2	Phát triển kỹ năng nghề nghiệp, các chương trình hợp tác đào tạo với các công ty, doanh nghiệp trong và ngoài nước. Sinh viên được tiếp cận cách đánh giá nguy cơ dịch bệnh, xây dựng chiến lược phòng - chống dịch bệnh trên động vật.	2.2.1a,b
4.3	Mô tả kiến thức tổng quan về các phòng thí nghiệm, các trang thiết bị thường dùng trong đào tạo và nghiên cứu. Đồng thời, giúp sinh viên hiểu rõ hơn vai trò và trách nhiệm của Bác sĩ Thú y trong việc bảo vệ sức khỏe con người và các loài động vật.	2.2.2a,b
4.4	- Hình thành tính trách nhiệm và hiệu quả trong chẩn đoán và điều trị, cập nhật bổ sung kiến thức chuyên môn	2.3

5. Chuẩn đầu ra của học phần:

CDR HP	Nội dung chuẩn đầu ra	Mục tiêu	CDR CTĐT
	Kiến thức		2.1.2
CO1	Mô tả kiến thức cơ bản về lịch sử ngành Thú y Thế giới và Việt Nam. Cơ cấu tổ chức của ngành Thú y, Nhân sự của Khoa Thú y, chương trình đào tạo và định hướng	4.1	2.1.2a

CĐR HP	Nội dung chuẩn đầu ra	Mục tiêu	CĐR CTĐT
	nghề nghiệp của Bác sĩ Thú y trong tương lai.		
CO2	Mô tả kiến thức về vai trò và trách nhiệm của Bác sĩ Thú y trong việc bảo vệ sức khỏe con người và các loài động vật.	4.1	2.1.2a
	Kỹ năng		2.2
CO3	Vận dụng kiến thức khoa học tự nhiên, xã hội và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại vào lĩnh vực Chăn nuôi và Thú y. Sinh viên được tiếp cận cách đánh giá nguy cơ dịch bệnh, đặc điểm dịch tễ và xây dựng chiến lược phòng - chống dịch bệnh trên động vật.	4.2	2.2.1a,b
CO4	Phát triển kỹ năng hợp tác, thuyết trình trong việc giải quyết các vấn đề nghiên cứu, duy trì việc cập nhật bổ sung kiến thức chuyên môn	4.3	2.2.2a,b
	Thái độ/Mức độ tự chủ và trách nhiệm		2.3
CO5	Hình thành thái độ tích cực trong việc học tập, ý thức trách nhiệm trong công tác thực hành và chuyên môn; thái độ tử mỹ, chính xác, khách quan, trung thực; thái độ khiêm tốn học tập, quan hệ và hợp tác tốt với đồng nghiệp.	4.4	2.3
CO6	Hình thành trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp trong thực tế.	4.4	2.3

6. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

- Môn học cung cấp cho sinh viên thông tin về lịch sử ngành Thú y Thế giới và Việt Nam. Cơ cấu tổ chức của ngành Thú y, Nhân sự của Khoa Thú y, chương trình đào tạo và định hướng nghề nghiệp của Bác sĩ Thú y trong tương lai.

- Học phần cung cấp thông tin về kỹ năng nghề nghiệp, các chương trình hợp tác đào tạo với các công ty, doanh nghiệp trong và ngoài nước. Sinh viên được tiếp cận cách đánh giá nguy cơ dịch bệnh, xây dựng chiến lược phòng - chống dịch bệnh trên động vật.

- Học phần cung cấp kiến thức tổng quan về các phòng thí nghiệm, các trang thiết bị thường dùng trong đào tạo và nghiên cứu. Đồng thời, giúp sinh viên hiểu rõ hơn tầm quan trọng của Bác sĩ Thú y trong việc bảo vệ sức khỏe con người và các loài động vật.

7. Cấu trúc nội dung học phần:

Lý thuyết

	Nội dung	Số tiết	CĐR HP
Chương 1.	Giới thiệu ngành Thú y	5	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
1.1.	Lịch sử ngành Thú y		
1.2.	Vai trò trách nhiệm của Bác sĩ Thú y		

Chương 2. Hệ thống tổ chức của Thú y Việt Nam	5	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
2.1. Hệ thống tổ chức của Thú y ở Việt Nam		
2.2. Chương trình đào tạo ngành Thú y		
2.3. Nguyên tắc và đạo đức nghề nghiệp		
Chương 3. Chương trình thực tập nghề nghiệp	5	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
3.1. Các chương trình thực tập nghề nghiệp chính khóa		
3.2. Các chương trình hợp tác với doanh nghiệp		
3.3. Định hướng nghề nghiệp		
Chương 4. Các kỹ năng cơ bản của Bác sĩ Thú y	5	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
4.1. Kỹ năng mềm		
4.2. Kỹ năng cứng		
Chương 5. Hệ thống phòng thí nghiệm	5	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
5.1. Các phòng thí nghiệm Thú y cơ sở		
5.2. Các phòng thí nghiệm Thú y chuyên ngành		
Chương 6. Phòng khám Thú y	5	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
6.1. Cơ cấu của một phòng khám Thú y		
6.2. Các trang thiết bị cơ bản cho một phòng khám Thú y		
6.3. Các qui định hiện hành về phòng khám Thú y		

8. Phương pháp giảng dạy:

- Kết hợp giữa thuyết trình, đặt câu hỏi và báo cáo chuyên đề
- Trình chiếu hình ảnh và video clip liên quan

9. Nhiệm vụ của học viên:

Học viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- Tham gia đầy đủ 100% giờ thực hành/thí nghiệm/thực tập và có báo cáo kết quả.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

10. Đánh giá kết quả học tập của học viên:

10.1. Cách đánh giá

Học viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	CĐR HP
1	Điểm chuyên cần	50% Số tiết tham dự học/tổng số tiết	20%	CO1, CO2, CO3, CO4
2	Điểm bài tập nhóm	- Báo cáo/thuyết minh/... - Được nhóm xác nhận có tham gia	30%	CO5, CO6
3	Điểm thi kết thúc học phần	- Thi viết/trắc nghiệm/vấn đáp/... (60 phút) - Tham dự đủ 80% tiết lý thuyết và 100% giờ báo cáo - Bắt buộc dự thi	50%	CO1, CO2, CO3

10.2. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.

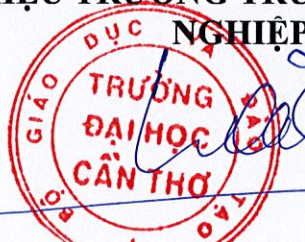
11. Tài liệu học tập:

Thông tin về tài liệu	Số đăng ký cá biệt
[1] Lịch sử ngành thú y Việt Nam / Hội thú y Việt Nam.- 636.089/ H452	NN.006815 NN.006816 NN.006817 NN.006818 NN.006819
[2] Introduction to veterinary science / James B. Lawhead and MeeCee Baker, 076683302X .- 636.089/ L417	AV.003376
[3] Giáo trình Anh văn chuyên ngành thú y / Nguyễn Phúc Khánh, Trần Ngọc Bích, Huỳnh Kim Diệu.- Cần Thơ: Nxb. Đại học Cần Thơ, 2019.- 128 tr.: minh họa; 24 cm, 9786049652165.- 428.24024636/ Kh107	MOL.089610 MOL.089611 MON.063106 NN.017689 NN.017690
[4] Mental health and well-being in animals / Edited by Franklin D. McMillan, 9780813804897.- 636.0893/ M549	MON.040521 NN.015697

12. Hướng dẫn học viên tự học:

Tuần	Nội dung	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Nhiệm vụ của sinh viên
1-10	Tất cả các chương lý thuyết từ chương 1 đến chương 6	20		Trước từng buổi học, nghiên cứu trước: + Tài liệu [1], [2], [3], [4], nội dung có liên quan từng chủ đề sắp học + Mở rộng kiến thức qua thông tin tạp chí và internet nội dung có liên quan chủ đề sắp học + Làm việc nhóm
11-15	Tất cả các bài báo cáo chuyên đề: từ 3 đến 5 sinh viên/nhóm báo cáo		20	Nghiên cứu giáo trình thực tập trước cho từng buổi thực tập và báo cáo seminar.

**TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ
HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG NÔNG**



PGS.TS. LÊ VĂN VÀNG

Cần Thơ, ngày 24 tháng 8 năm 2022
TRƯỞNG ĐƠN VỊ

PGS.TS. TRẦN NGỌC BÍCH